

## BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: TỪ QUAN ĐIỂM ĐẾN THỰC TIỄN

LÊ THỊ THANH HÀ\*

**Tóm tắt:** Bình đẳng giới là vấn đề không thể không quan tâm ở Việt Nam, bởi đây vừa là mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa là động lực để phát triển xã hội bền vững. Vì vậy, trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm, chỉ đạo, triển khai thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Điều này được thể hiện trong chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quá trình hiện thực hóa mục tiêu này trong thực tiễn. Bài viết chủ yếu sử dụng tài liệu thứ cấp và phương pháp tổng quan, phân tích để khái quát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới; chỉ ra một số thành tựu, hạn chế về bình đẳng giới ở Việt Nam; từ đó gợi ý một số giải pháp thực hiện bình đẳng giới hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** bình đẳng giới, bình đẳng nam, nữ.

Nhận bài: 18/11/2024

Gửi phản biện: 15/8/2025

Duyệt đăng: 02/12/2025

### 1. Đặt vấn đề

Bình đẳng giới là việc đảm bảo nam và nữ có quyền, cơ hội và sự đối xử công bằng trong mọi lĩnh vực của đời sống. Theo UNICEF: “Phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai đều được hưởng các quyền, nguồn lực, cơ hội và sự bảo vệ như nhau” (LeMoyne, Roger, 2011). Luật Bình đẳng giới năm 2006, Điều 5 khẳng định: “Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó” (Quốc hội Việt Nam, 2006). Luật Bình đẳng giới tại Việt Nam cũng nhấn mạnh nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả phát triển như nhau. Theo đó có thể hiểu: *Bình đẳng giới là trạng thái trong đó mọi người, bất kể giới tính, đều có quyền tiếp cận công bằng với các nguồn lực, cơ hội và sự bảo vệ trong xã hội.*

Bình đẳng giới là một quyền cơ bản của con người và là nền tảng cho sự phát triển toàn diện của xã hội. Thực hiện bình đẳng giới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, bởi khi cả nam và nữ đều được trao quyền, xã hội sẽ tận dụng được toàn bộ nguồn lực con người, từ đó tạo động lực phát triển xã hội và góp phần phát triển bền vững. Phụ nữ thường

\* Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

đôi mắt với nguy cơ nghèo đói, mù chữ, ít tiếp cận tài sản và việc làm hơn nam giới. Do đó, thực hiện quyền bình đẳng nam-nữ giúp khắc phục những bất công này, giúp phụ nữ có cơ hội tham gia vào các vị trí lãnh đạo, góp phần đa dạng hóa góc nhìn và xây dựng chính sách, loại bỏ các hành vi có hại như bạo lực gia đình, chênh lệch thù lao, môi giới mại dâm, và phân biệt đối xử. Bình đẳng trong giáo dục, y tế, việc làm giúp cải thiện đời sống cho cả nam và nữ. Việc thúc đẩy bình đẳng giới cần sự chung tay của Đảng, Chính phủ, cộng đồng và mỗi cá nhân. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, với phương pháp tổng quan, phân tích, bài viết tổng quan chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới; chỉ ra thành tựu, hạn chế về bình đẳng giới ở Việt Nam; gợi ý một số giải pháp thực hiện bình đẳng giới hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

## **2. Quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bình đẳng giới**

### **- Quan điểm của Đảng về bình đẳng giới**

Nhận thức được tầm quan trọng của bình đẳng giới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm tới thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* khẳng định: “Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991:16). Trên cơ sở chủ trương của Đảng, nhiều văn bản về bình đẳng giới đã được ban hành và triển khai tích cực, nhất là từ khi đổi mới đến nay.

Cụ thể hóa *Cương lĩnh* (năm 1991) của Đảng, ngày 12/7/1993, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 04/NQ-TU về *đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*. Mục tiêu của Nghị quyết là: “cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng, có lòng nhân hậu” (Bộ Chính trị, 1993). Đồng thời, phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Để triển khai tốt nghị quyết 04/NQ-TU, ngày 16-5-1994, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị 37-CT/TU về *một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*. Trong đó, yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc: “Tiếp tục nâng cao nhận thức, quan điểm của Đảng về vấn đề cán bộ nữ; Có quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ; Nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành; Xây dựng chính sách tạo điều kiện cho cán bộ nữ làm việc và khuyến khích tài năng nữ phát triển; Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong phụ nữ” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 1994). Bản thân cán bộ nữ cần chủ động khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, nâng cao phẩm chất và trình độ mọi mặt, tự khẳng định mình trong công tác, biết kết hợp hài hòa giữa công việc gia đình và công tác xã hội.

Bước vào thế kỷ 21, khoa học và công nghệ có bước nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất và Việt Nam đã hội nhập kinh tế quốc tế. Để phát huy vai trò của phụ nữ trong bối cảnh mới, Đại hội IX khẳng định:

“thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001:126).

Trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình thực hiện bình đẳng giới và công tác phụ nữ còn nhiều mặt hạn chế, do đó, ngày 27/4/2007 Bộ Chính trị (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Quan điểm của Nghị quyết khẳng định: “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới” (Bộ Chính trị, 2001). Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ.

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới. Chỉ thị khẳng định: “Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2018). Đồng thời, hoàn thiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện: “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, tôn vinh nhằm khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân...” (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2018). Những chủ trương lớn của Đảng về công tác phụ nữ trong thực hiện bình đẳng giới là cơ sở để Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực hiện bình đẳng giới trong những năm qua.

#### **- Chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bình đẳng giới**

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi 2013), Điều 26 quy định: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” (Quốc hội Việt Nam, 2013).

Một trong những văn bản quan trọng nổi bật nhất về bình đẳng giới là Luật Bình đẳng giới (2006). Luật ra đời vừa thể hiện đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Đồng thời, Luật Bình đẳng giới quy định nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới. Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế-xã hội và phát triển nguồn nhân

lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (Quốc hội Việt Nam, 2006).

Bên cạnh đó, nhiều Bộ luật và Luật khi ban hành đã chú trọng đến mục tiêu bình đẳng giới của Đảng và cam kết thực hiện bình đẳng giới của Việt Nam với thế giới. Chẳng hạn, Luật Phòng, chống bạo lực trong gia đình (2007) xác định chi tiết những hành vi về bạo lực trong gia đình và những quy định, biện pháp ngăn ngừa, chống bạo lực trong gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình (2014) khẳng định nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 2 là “vợ chồng bình đẳng”; Bộ luật Dân sự (2015). Điều 36 và 37 cho phép hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính và cho phép các cá nhân đã phẫu thuật chuyển đổi giới tính được thay đổi lời khai về giới tính trong các giấy tờ cá nhân; Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (2015) quy định chỉ tiêu về ứng cử viên nữ; Luật Ngân sách nhà nước (2015) (sửa đổi, bổ sung 2020) quy định nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới là một trong các căn cứ để lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017), quy định Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó; Bộ luật Lao động (2019), khoản 7 Điều 4 quy định: “Bảo đảm bình đẳng giới; quy định chế độ lao động và chính sách xã hội nhằm bảo vệ lao động nữ, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi, lao động chưa thành niên” (Quốc hội Việt Nam, 2019). Ngoài ra, Bộ luật Lao động còn có một chương (Chương X) dành riêng cho lao động nữ và vấn đề bình đẳng giới nhằm bảo vệ sức khỏe sinh sản của họ trong khi làm việc, về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; Tại khoản 1 Điều 13 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập” (Quốc hội, 2019) ...

Triển khai thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chiến lược, kế hoạch hành động. Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP phê duyệt *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030*. Chiến lược gồm 6 mục tiêu và 20 chỉ tiêu cụ thể nhằm tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới trong các lĩnh vực: chính trị; kinh tế, lao động; trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin, truyền thông. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là “tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước” (Chính phủ, 2021).

Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Kế hoạch triển khai thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW giai đoạn 2017-2020*. Mục đích: “Xác định vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương trong việc thực hiện Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và triển khai Khuyến nghị của Ủy ban Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ” (Chính phủ Việt Nam,

2017). Ngày 10/05/2017, Thủ tướng ban hành: *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* (Quyết định số 622/QĐ-TTg). Trong đó có mục tiêu số 5 về BĐG, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái. Ngoài ra, một số mục tiêu khác trong *Kế hoạch* cũng có liên quan chặt chẽ đến thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam.

Để có các hành động can thiệp nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn, cưỡng ép kết hôn vẫn còn tồn tại ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt đề án: *Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*, trong đó có riêng một dự án về thực hiện BĐG, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em (Dự án 8).

Nhìn chung, tính đến năm 2023, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 2013, 7 bộ luật, 161 luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 15 pháp lệnh, trong đó có khoảng 45 bộ luật, luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; Chính phủ ban hành 1.413 nghị định; xem xét lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của Luật bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; Chương trình quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025...(Thu Hòa, 2023). Đây là cơ sở pháp lý để Việt Nam thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong những năm đổi mới vừa qua.

### **3. Kết quả thực tiễn bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay**

#### ***Thành tựu***

Triển khai chủ trương và kế hoạch thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong 40 năm đổi mới vừa qua, quyền bình đẳng giới thực chất của phụ nữ Việt Nam ngày càng được bảo đảm hơn. Nhận thức xã hội về bình đẳng giới đã có sự cải thiện. Việt Nam đã từng bước khắc phục tệ phân biệt đối xử với phụ nữ từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Bộ máy vì sự tiến bộ phụ nữ đã được hình thành và đi vào hoạt động ở 47 bộ ngành cơ quan Trung ương và 63 tỉnh (nay còn 34 tỉnh), thành phố trên toàn quốc. Phong trào phụ nữ có nhiều khởi sắc. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp triển khai nhiều biện pháp thiết thực đã làm tốt vai trò đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho phụ nữ. Vì vậy, Việt Nam được thế giới đánh giá là một trong những quốc gia tiến bộ nhanh nhất về bình đẳng giới. Năm 2023, Việt Nam đã tăng 11 bậc về bình đẳng giới so với năm 2022, từ thứ hạng 83 lên 72 trong số 146 nước. Cùng với đó, tính đến hết 2022, có 7/20 chỉ tiêu Quốc gia về bình đẳng giới (2021 - 2030) đã đạt hoặc ước tính có thể đạt so với mục tiêu của chiến lược năm 2025; 12/20 chỉ tiêu đạt kết quả tốt hơn với năm 2020 và phần đầu sẽ đạt mục tiêu đến 2025 (Thu Hòa, 2023).

Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ phụ nữ tham gia làm lãnh đạo, quản lý cao trên thế giới. Tính đến tháng 8/2024, Việt Nam có 01 nữ Phó Chủ tịch nước; 01 nữ Phó Chủ tịch Quốc hội; 03/12 nữ Chủ nhiệm ủy ban, cơ quan tương đương của Quốc hội; 04/30 nữ Bộ trưởng

và tương đương; 14/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ lãnh đạo chủ chốt. Nhiệm kỳ 2021-2026, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội là 30,3% tăng 3,58% so với nhiệm kỳ 2016-2021 là 26,72%. Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 là nữ đạt 29% (cao hơn 2,44% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là nữ đạt 29,08% (cao hơn 1,58% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là nữ đạt 28,48% (cao hơn 1,89% so với nhiệm kỳ trước). Tỷ lệ chính quyền địa phương cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ (Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chiếm 74,6% (47/63/34 tỉnh/TP trực thuộc trung ương) (Báo cáo số 237/BC-CP). Nhiều phụ nữ đạt được học hàm, học vị là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ. Hiện Việt Nam có 49 nhà khoa học nữ xuất sắc trên các lĩnh vực đã được trao tặng giải thưởng Kôvalépxkaia, hàng nghìn nữ trí thức có nhiều thành công trong nước và quốc tế về nghiên cứu khoa học (Thu Hòa, 2023) góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Với những thành tựu đó, Việt Nam đã tạo được môi trường, điều kiện thuận lợi để phụ nữ ngày càng khẳng định vị thế, vai trò, tầm quan trọng trong lĩnh vực chính trị và xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế, lao động và việc làm, Việt Nam cũng có nhiều thành tựu đáng khích lệ. Chẳng hạn năm 2023, tỷ lệ lao động nữ tham gia thị trường lao động của Việt Nam là 62,9%, đạt ở mức cao so với thế giới (tỷ lệ này ở nam giới Việt Nam chiếm 75,2%). Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015-2023 (từ 20,1% đến 26,8%) (Tổng cục thống kê, 2023). Bên cạnh đó, tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã tăng, năm 2020 đạt 27,2% (Nguyễn An, 2023). Trong giai đoạn 2012-2022, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ liên tục tăng với tốc độ ít nhất 2%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng trung bình của khu vực doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024). Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn được chú trọng. Công tác đào tạo nghề có nhiều đổi mới cả về nội dung chương trình và hình thức đào tạo theo hướng xã hội hóa, hợp tác liên kết để nâng cao chất lượng, gắn với nhu cầu xã hội.

Mức sống của lao động nữ cũng ngày được nâng cao. Thu nhập bình quân tháng của lao động nữ năm 2022 là 5,6 triệu đồng, tăng 914 nghìn đồng so với năm trước. Chênh lệch thu nhập bình quân giữa lao động nam và nữ được rút ngắn từ 1,4 lần xuống 1,3 lần. BGD trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tiếp tục được thu hẹp, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2022, tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học là 94,1%, trung học cơ sở là 82,3%, trong khi chỉ tiêu đề ra vào năm 2025 là trên 90% đối với bậc tiểu học và 85% đối với trung học cơ sở. Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt 34,5%, tăng 8,2% so với năm 2019 (Thu Hòa, 2023).

Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới thực hiện điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ (năm 2019 điều tra lần thứ 2). Sau gần 10 năm kể từ cuộc điều tra lần thứ nhất (năm 2010), các kết quả thu được cho thấy những thay đổi tích cực và một số tồn tại, hạn chế. Thay đổi tích cực đang diễn ra rõ nét ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi. Những người có trình độ học vấn cao có tỷ lệ bị bạo lực cũng thấp hơn và điều này cho thấy học vấn có ý

nghĩa rất quan trọng, giúp phụ nữ tự tin hơn, mạnh mẽ và độc lập hơn trong cuộc sống (UNFPA Việt Nam, 2020).

Tại các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế, Việt Nam đã ghi dấu ấn mạnh mẽ về hình ảnh một quốc gia tích cực, chủ động, dẫn dắt trong các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, quyền phụ nữ và vai trò của phụ nữ, được bạn bè quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tính đến tháng 8/2024, có 117 lượt nữ quân nhân được triển khai đến phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (trong đó có 19 lượt nữ sĩ quan được triển khai theo hình thức cá nhân, 98 nữ quân nhân triển khai theo đội hình đơn vị) (Bộ Quốc phòng, 2024). Đặc biệt, Việt Nam cũng đã có 04 nữ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Việt Nam hiện là nước có tỷ lệ nữ quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc đạt gần 15% (Bộ Quốc phòng, 2024) Trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam tích cực đóng góp xây dựng các khuôn khổ chính sách của khu vực về Phụ nữ, Hoà bình và An ninh và tham gia Nhóm Phụ nữ ASEAN về hòa giải.

Nguồn kinh phí cho công tác bình đẳng giới thông qua các *Chương trình mục tiêu quốc gia* được bố trí nhiều hơn so với các năm trước, tỉ lệ giải ngân của Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt kết quả khá cao. Đã có 55% chỉ tiêu đạt và vượt so với mục tiêu đề ra đến năm 2025 (như tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương năm 2023 đạt 50,9%; tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt 96%...), có 25% chỉ tiêu đạt 1 phần và tiệm cận so với mục tiêu đề ra, trong đó có 12 chỉ tiêu đạt kết quả tốt hơn so với năm 2022 (H. Hoài, 2024).

Một số thành tựu nêu trên cho thấy Việt Nam đã đạt được bước tiến đáng kể trong thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục và pháp luật. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến thành công trong thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam. Trong đó có một số nguyên nhân chính là do sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, luật pháp và chiến lược quốc gia nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, như Luật Bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030...; Sự tham gia tích cực của phụ nữ trong mọi lĩnh vực; Các tổ chức xã hội, đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tích cực vận động, giám sát và hỗ trợ thực hiện các chương trình bình đẳng giới. Đồng thời, Việt Nam nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức như UN Women, giúp nâng cao năng lực thể chế và truyền thông về bình đẳng giới. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn những thách thức cần vượt qua để đạt được sự bình đẳng toàn diện.

#### **- Hạn chế**

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, Việt Nam hiện nay cũng còn một số hạn về thực tiễn triển khai mục tiêu bình đẳng giới. Chẳng hạn, tỷ lệ phụ nữ tham gia lĩnh vực chính trị chưa tương xứng với trình độ, năng lực của phụ nữ hiện nay. Nhiệm kỳ 2021-2026, phụ nữ không còn có mặt trong số bốn vị trí lãnh đạo cao nhất của Việt Nam. Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2025 có 60% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh

đạo chủ chốt là nữ, hiện khó có khả năng đạt được ở chính quyền cấp xã. Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp vẫn còn hạn chế về số lượng, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường luân chuyển, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến việc triển khai công tác bình đẳng giới.

Vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm vẫn còn một số thách thức. Tỷ lệ lao động nữ trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng dần trong giai đoạn 2015-2023 (từ 20,1% đến 26,8%) nhưng vẫn còn thấp hơn so với nam giới (tăng từ 23,6% đến 31,8%) (Tổng cục Thống kê, 2023). Mặc dù các quy định về tiền lương và tiền công bảo đảm sự công bằng về giới, nhưng trung bình tiền lương chính của lao động nữ vẫn thấp hơn so với lao động nam. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh thu hẹp khoảng cách độ tuổi nghỉ hưu vẫn đang thực hiện theo lộ trình nên đến nay vẫn còn sự khác biệt về tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ trong quy định của pháp luật.

Năm 2023, số lao động phi chính thức là 33,3 triệu người, tỉ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,9% (trong đó tỉ lệ của nam giới là 49,7% và nữ giới là 74,3%) (Tổng cục Thống kê, 2023). Trong đó, phụ nữ chiếm đa số ở nhóm lao động giúp việc gia đình. Năm 2023, số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ vẫn nhiều hơn so với nam giới. Điều đó cho thấy, bình đẳng giới trong lao động và thu nhập ở Việt Nam vẫn còn khoảng cách.

Sự bất bình đẳng trong lĩnh vực y tế thể hiện ở sự chênh lệch trong cơ hội thăng tiến, phân công công việc và tiếp cận dịch vụ y tế giữa nam và nữ. Dù phụ nữ chiếm tỷ lệ lớn trong lực lượng lao động ngành y tế Việt Nam - lên tới 68,8% tổng số công chức, viên chức và người lao động (Bích Ngọc, 2023), nhưng họ vẫn gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận các vị trí lãnh đạo và ra quyết định. Nhiều nữ nhân viên y tế bị giới hạn trong các vị trí hành chính hoặc chăm sóc, trong khi nam giới thường được ưu tiên cho các vai trò chuyên môn cao hoặc quản lý. Phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và y tế cơ bản do thiếu cơ sở vật chất, nhân lực và nhận thức cộng đồng (Nhu Loan, 2024).

Tại Việt Nam, bất bình đẳng giới trong giáo dục vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức, đặc biệt ở các cấp học cao và vùng sâu vùng xa, ảnh hưởng đến cơ hội phát triển toàn diện của nữ giới. Theo báo cáo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh tiểu học đến lớp ở vùng sâu chỉ đạt khoảng 89,2% vào năm 2024, trong khi ở các đô thị, con số này lên tới 98,5%. Ở một số vùng nông thôn và miền núi, tỷ lệ nữ sinh bỏ học sớm vẫn cao hơn nam giới do áp lực kinh tế, định kiến xã hội và trách nhiệm gia đình. Nhiều gia đình vẫn ưu tiên cho con trai tiếp tục học lên cao, trong khi con gái được kỳ vọng sớm lập gia đình hoặc phụ giúp việc nhà ((Ủy Ban Dân tộc, 2019).

Tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh còn cao (năm 2023 là 112 bé trai/100 bé gái) (Báo cáo số 237/BC-CP). Ở một số vùng dân tộc thiểu số vẫn có tình trạng tảo hôn: dân tộc Mông có tỷ lệ tảo hôn cao nhất với 51,5% dân số kết hôn trước tuổi quy định, tiếp đến là dân tộc Cơ Lao (47,8%), Mảng (47,2%), Xinh Mun (44,8%). Một số dân tộc có tỷ lệ tảo hôn thấp (dưới 7%) như: Hoa, Tày, Thổ, Si La... (Ủy Ban Dân tộc, 2019). Điều này gây những ảnh

hưởng nặng nề đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em; làm suy giảm chất lượng dân số; nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Pháp luật chưa có quy định cụ thể khái niệm “quấy rối tình dục tại nơi công cộng”. Nhiều khuôn mẫu định kiến về vai trò, vị trí của nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, gia đình, trong các ấn phẩm, tài liệu và tư tưởng thích con trai hơn con gái vẫn còn tồn tại trên thực tế. Do vậy, tỷ lệ nữ giới bị bạo lực trong gia đình còn cao. Tính riêng số liệu của năm 2023, có 3.193 nạn nhân của bạo lực gia đình, trong đó: nạn nhân nữ là 2.628 người, chiếm 82,3% (năm 2022 là 3.440 người, chiếm 87,73%); nạn nhân là nam giới là 565 người, chiếm 17,7%, năm 2022 là 481 người, chiếm 12,27% (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2023).

Một số hạn chế về bình đẳng giới nêu trên cho thấy, mặc dù Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ về bình đẳng giới, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế đáng kể như: định kiến giới, nữ lãnh đạo cấp cao chưa xứng tầm, phân công lao động ngoài xã hội và gia đình không công bằng, và bạo lực trên cơ sở giới. Dù có nhiều chính sách tiến bộ, nhưng việc thực hiện còn thiếu đồng bộ, giám sát chưa hiệu quả, và lồng ghép giới trong ngân sách chưa được chú trọng đúng mức. Để khắc phục những hạn chế này, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp.

#### **4. Bàn luận và hướng giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay**

Kết quả phân tích trên cho thấy, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong công cuộc thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt trong các lĩnh vực như chính trị, giáo dục, y tế và lao động. Tỷ lệ nữ giới tham gia vào lực lượng lao động ngày càng tăng, phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục và giữ các vị trí lãnh đạo trong bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đó, vẫn còn tồn tại không ít thách thức như định kiến giới, chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ, và sự thiếu vắng đại diện nữ trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ và chính trị cấp cao. Những hạn chế này cho thấy bình đẳng giới không chỉ là mục tiêu đã đạt được mà còn là một quá trình cần được tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, tăng cường giáo dục nhận thức cộng đồng, hoàn thiện khung pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ và nam giới được phát triển bình đẳng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cụ thể:

*Một là*, Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và quy định về bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới đã được triển khai và thực hiện từ năm 2006 đến nay đã có nhiều điểm cần phải bổ sung và điều chỉnh. Chẳng hạn, cần tập trung mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật này, làm rõ trách nhiệm và quy định các khái niệm về bình đẳng giới, bao gồm các hành vi có hại và hành vi bị nghiêm cấm. Định nghĩa về phân biệt đối xử cũng cần được mở rộng, bởi định nghĩa hiện hành chưa bao gồm phân biệt đối xử gián tiếp. Bạo lực trên cơ sở giới diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, không chỉ bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế mà còn cả các hình thức khác như lựa chọn giới tính trên cơ sở định kiến giới, cưỡng ép kết hôn hay tảo hôn, tất cả cần được quy

định trong Luật. Bổ sung, hoàn thiện mục tiêu bình đẳng giới vào các văn bản pháp luật liên quan. Mặc dù Luật Bình đẳng giới yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật, song không yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới trong các chính sách khác như kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Những điểm thiếu đồng bộ này cần được bổ sung và hoàn thiện. Vì vậy, cần thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành nhằm loại bỏ các quy định mang tính phân biệt giới hoặc chưa đảm bảo quyền lợi công bằng giữa nam và nữ. Đặc biệt cần chú trọng đến Luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường chế tài xử lý các hành vi vi phạm bình đẳng giới, như quấy rối tình dục nơi làm việc, phân biệt đối xử trong tuyển dụng, thăng tiến hay tiếp cận dịch vụ công. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ xây dựng pháp luật và thực thi chính sách, thông qua đào tạo chuyên sâu về giới, quyền con người và pháp lý quốc tế liên quan đến bình đẳng giới. Tăng cường truyền thông pháp luật về bình đẳng giới, giúp người dân hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, từ đó thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng trong giám sát và thực hiện.

*Hai là, Để thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay, cần triển khai đồng bộ các giải pháp trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, y tế và giáo dục,... nhằm đảm bảo cơ hội phát triển công bằng cho mọi giới.*

Trong lĩnh vực chính trị: Tăng tỷ lệ nữ giới tham gia vào các vị trí lãnh đạo và ra quyết định ở các cấp chính quyền, thông qua quy định tỷ lệ bắt buộc và chính sách ưu tiên đào tạo cán bộ nữ. Xây dựng môi trường chính trị thân thiện với phụ nữ, giảm định kiến giới trong tuyển chọn và đề bạt cán bộ. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cho nữ giới, đặc biệt ở địa phương và vùng sâu, vùng xa.

Trong lĩnh vực kinh tế, lao động và việc làm: Thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nam và nữ bằng cách minh bạch hóa chính sách lương và đánh giá hiệu suất công việc. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, không phân biệt giới tính trong tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến. Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và tiếp cận nguồn vốn, đặc biệt là phụ nữ ở nông thôn và dân tộc thiểu số. Tăng cường chính sách bảo vệ lao động nữ, như chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, và chống quấy rối nơi làm việc.

Trong lĩnh vực y tế: Đảm bảo phụ nữ và nam giới được tiếp cận công bằng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe sinh sản và tâm thần. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở vùng sâu, vùng xa, nơi phụ nữ thường gặp khó khăn trong tiếp cận. Đào tạo nhân viên y tế về bình đẳng giới, để tránh định kiến trong chăm sóc và điều trị. Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong ngành y tế giai đoạn 2021-2030.

Trong lĩnh vực giáo dục: Xóa bỏ định kiến giới trong lựa chọn ngành học, khuyến khích nữ sinh tham gia các lĩnh vực STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học). Tăng

cường giáo dục giới tính và bình đẳng giới trong chương trình học, từ cấp tiểu học đến đại học. Hỗ trợ học bổng và chính sách khuyến học cho nữ sinh ở vùng khó khăn, giảm tỷ lệ bỏ học sớm. Thực hiện hiệu quả chương trình “Dự án Giáo dục cho trẻ em vùng khó khăn” và “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số”.

*Ba là*, Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới. Lồng ghép nội dung bình đẳng giới trong các nghị quyết, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở cấp địa phương và ngành. Xây dựng chương trình hành động cụ thể của các cấp ủy Đảng nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong từng lĩnh vực. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định về bình đẳng giới. Thiết lập cơ chế giám sát nội bộ trong hệ thống chính trị để đảm bảo các chỉ tiêu về giới được thực hiện nghiêm túc. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và công khai báo cáo tiến độ. Việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không chỉ là yếu tố quyết định trong thúc đẩy bình đẳng giới, mà còn góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và phát triển bền vững.

*Bốn là*, Đẩy mạnh truyền thông thay đổi nhận thức về vai trò của phụ nữ, xóa bỏ định kiến giới và thúc đẩy hình ảnh người phụ nữ hiện đại, tự tin, bản lĩnh. Cụ thể: Xây dựng chiến dịch truyền thông quốc gia về bình đẳng giới, với thông điệp rõ ràng, dễ tiếp cận, phù hợp với văn hóa và đặc điểm vùng miền. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, sử dụng báo chí, truyền hình, mạng xã hội, podcast, video ngắn... để lan tỏa thông tin tích cực về vai trò của phụ nữ và nam giới trong xã hội hiện đại. Lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào các chương trình giải trí, giáo dục và tin tức, giúp người dân tiếp cận thông tin bình đẳng giới một cách tự nhiên và liên tục. Tổ chức các hoạt động truyền thông cộng đồng như tọa đàm, hội thảo, triển lãm, sân khấu hóa... tại địa phương, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa và khu vực dân tộc thiểu số. Đào tạo kỹ năng truyền thông về giới cho cán bộ, nhà báo, giáo viên và người làm công tác xã hội, nhằm đảm bảo thông tin được truyền tải đúng đắn, không định kiến. Khuyến khích sự tham gia của nam giới trong các chiến dịch truyền thông, để thúc đẩy sự đồng hành và chia sẻ trách nhiệm trong thực hiện bình đẳng giới. Giám sát và xử lý các nội dung truyền thông mang tính phân biệt giới hoặc định kiến, đặc biệt trên mạng xã hội và các nền tảng số.

*Năm là*, Tăng cường ngân sách cho các chương trình bình đẳng giới. Đưa nội dung bình đẳng giới vào kế hoạch tài chính trung hạn và hàng năm của các bộ, ngành và địa phương. Thể chế hoá quy trình, thủ tục lồng ghép giới trong lập dự toán, phân bổ và thực hiện ngân sách nhà nước các cấp; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm xây dựng và thực hiện ngân sách nhà nước có trách nhiệm giới. Ưu tiên ngân sách cho các lĩnh vực có khoảng cách giới lớn như giáo dục, y tế, lao động, khởi nghiệp và phòng chống bạo lực giới. Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát chi tiêu công liên quan đến bình đẳng giới. Hỗ trợ tài chính cho các tổ chức xã hội, cộng đồng và doanh nghiệp thực hiện các sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới. Việc tăng cường ngân sách không chỉ là cam kết chính trị mà còn là hành động thiết thực để bảo đảm mọi giới đều có cơ hội phát triển bình đẳng.

*Sáu là*, tích cực hợp tác quốc tế, thực hiện các cam kết quốc tế và tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên môn của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực bình đẳng giới. Cụ thể là, hợp tác với các tổ chức như Liên Hợp Quốc (UN Women, UNDP), Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á và các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong các chương trình thúc đẩy bình đẳng giới. Tham gia tích cực vào các diễn đàn, hội nghị quốc tế về giới để học hỏi kinh nghiệm và khẳng định cam kết của Việt Nam. Huy động nguồn lực tài chính và kỹ thuật từ quốc tế. Kêu gọi tài trợ cho các chương trình quốc gia về bình đẳng giới, đặc biệt ở các lĩnh vực như giáo dục, y tế, phòng chống bạo lực giới và nâng cao năng lực phụ nữ. Tổ chức các chương trình giao lưu, học tập kinh nghiệm giữa Việt Nam và các quốc gia có thành tựu về bình đẳng giới. Thúc đẩy nghiên cứu chung, xuất bản tài liệu và chia sẻ dữ liệu về giới giữa các quốc gia và tổ chức. Khuyến khích các đối tác quốc tế hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

### Tài liệu trích dẫn

- Ban Bí thư Trung ương. 1994. Chi thị 37-CT/TW về vấn đề công tác cán bộ nữ tình hình mới, Truy cập ngày 04/11/2025, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-xa-hoi/Chi-thi-37-CT-TW-van-de-cong-tac-can-bo-nu-tinh-hinh-moi9215.aspx>.
- Ban Chấp hành Trung Ương. 2018. Chi thị 21-CT/TW về đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới, Truy cập ngày 04/11/2025, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Chi-thi-21-CT-TW-2018-tiep-tuc-day-manh-cong-tac-phu-nu-trong-tinh-hinh-moi-374537.aspx> Bộ Chính trị. 1993).
- Bích Ngọc .2023. Đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới trong ngành Y tế. Trung tâm kiểm soát dịch bệnh tỉnh Đồng Nai. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://dongnaicdc.vn/day-manh-thuc-hien-binh-dang-gioi-trong-nganh-y-te>.
- Bộ Chính trị. 2007. Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Truy cập ngày 04/11/2025, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-11-NQ-TW-cong-tac-phu-nu-thoi-ky-day-manh-cong-nghiep-hoa-129457.aspx>.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2024. Hội thảo công bố “Thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp thông qua tháo gỡ các rào cản: Sách Trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ tại Việt Nam”. Truy cập ngày 04/11/2025, <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-1-23/>
- Bộ Nội vụ. 2024, Công văn số 3664/BNV-CTTN ngày 26/6/2024 của Bộ Nội vụ. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://moha.gov.vn/Pages/Index.aspx>.
- Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. 2023. Báo cáo số 27/BC-BVHTTDL ngày 31/01/2024 của về thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://bvhttdl.gov.vn>.
- Chính phủ. 2012. Nghị quyết 28/NQ-CP 2021 Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-28-NQ-CP-2021-Chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-giai-doan-2021-2030-466613.aspx>
- Chính phủ. 2017. Quyết định số 668/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-668-QĐ-TTg-2017-thuc-hien-khuyen-nghi-Uy-ban-xoa-bo-phan-biet-doi-xu-voi-phu-nu-349332.aspx>.
- Chính phủ. 2023. Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Phụ lục 01. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/87512>.

- Chính phủ. 2024. Báo cáo số 237/BC-CP ngày 16/5/2024 về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023, Hà Nội. Số liệu được Bộ Nội vụ cập nhật đến tháng 8/2024. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/87512>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*. Nxb Sự thật. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- LeMoyne, Roger. 2011. "Promoting Gender Equality: An Equity-based Approach to Programming" (PDF). *Operational Guidance Overview in Brief*. UNICEF. Bản gốc (PDF) lưu trữ ngày 20 tháng 10 năm 2017. Truy cập ngày 28 tháng 1 năm 2011.
- LeMoyne, Roger. 2011. "Promoting Gender Equality: An Equity-based Approach to Programming" (PDF). *Operational Guidance Overview in Brief*. UNICEF. Bản gốc (PDF) lưu trữ ngày 20 tháng 10 năm 2017. Truy cập ngày 28 tháng 1 năm 2011.
- Nghị quyết 04- NQ/TW về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới. Truy cập ngày 04/11/2025, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-04-NQ-TW-doi-moi-va-tang-cuong-cong-tac-van-dong-phu-nu-trong-tinh-hinh-moi-9203.aspx>
- Nguyễn An. 2024. Việt Nam xếp thứ 6 về tỷ lệ nữ doanh nhân cao nhất thế giới, Truy cập từ Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn online, ngày truy cập 04/11/2025, <http://doanhnhansaigon.vn/Viet-Nam-xep-thu-6-ve-ty-le-nu-doanh-nhan-cao-nhat-the-gioi-305751.html>.
- Như Loan. 2024. Chênh lệch y tế nông thôn và thành thị làm gia tăng bất bình đẳng xã hội. Truy cập ngày 04/11/2025. [https://vtcnews.vn/chenh-lech-y-te-nong-thon-va-thanh-thi-lam-gia-tang-bat-binh-dang-xa-hoi-ar915353.html](https://vtcnews.vn/chenh-lech-y-te-nong-thon-va-thanh-thi-lam-gia-tang-bat-binh-dang-xa-hoi).
- Quốc hội Việt Nam. 2006. Luật Bình đẳng giới 2006 . Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx>. Quốc hội Việt Nam .2024. Bộ luật lao động 2019 . Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx>
- Quốc hội Việt Nam. 2013. Hiến pháp năm 2013, Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013>
- Quốc hội Việt Nam. 2019. Luật giáo dục 2019. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx>.
- Thu Hòa. 2024. Thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam, Tạp chí Con số sự kiện, Truy cập ngày 04/11/2025. <https://consosukien.vn/thu-c-da-y-bi-nh-da-ng-gio-i-o-vie-t-nam.htm>.H. Hoài (2024), Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 xếp thứ 72/146 quốc gia. Báo Pháp luật Việt Nam điện tử. Truy cập ngày 04/11/2025. <https://laodongthudo.vn/nam-2023-chi-so-xep-hang-ve-binh-dang-gioi-cua-viet-nam-tang-11-bac>.
- Tổng cục Thống kê. 2023. Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 181. Tổng cục Thống kê (2023), Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023, Hà Nội, ngày 02/01/2024; Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2023, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 175.
- Tổng Cục Thống kê. 2023. Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023 - General Statistics Office of Vietnam, Truy cập ngày 04/11-2025. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thi-truong-lao-dong-viet-nam-nam-2023/>.
- UNFPA Việt Nam. 2020) Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019. Truy cập ngày 04/11/2025. <http://vietnam.unfpa.org/vi/publications/dieu-tra-quoc-gia-ve-bao-luc-doi-voi-phu-nu-oi-viet-nam-nam-2019>.
- UNFPA Việt Nam. 2020. Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019. Ủy Ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019. *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 DTTS năm 2019*, Nxb Thống kê, tr. 61.